

Đề bài

# *Tây Tiến*

của Quang Dũng là bài thơ được sáng tác chủ yếu theo bút pháp và cảm hứng lãng mạn. Hãy phân tích bài thơ để làm rõ điều đó.

## Bài làm

Quang Dũng sáng tác không nhiều nhưng thơ ông để lại ấn tượng sâu sắc với những rung cảm sâu lắng trong tâm linh người đọc. Thơ Quang Dũng hiện lên một cái tôi hào hoa thanh lịch giàu chất lãng mạn, với khả năng cảm nhận một cách tinh tế về đẹp của thiên nhiên và tình người đồng thời lại rất mực hồn nhiên, bình dị, chân thật. Bài thơ *Tây Tiến* tiêu biểu cho hồn thơ ấy. Không lẩn tránh đề cập đến cái bi nhưng cảm hứng lãng mạn đã đem đến cho cái bi màu sắc và âm hưởng tráng lệ, hào hùng. Tinh thần bi tráng, cảm hứng lãng mạn đã được triển khai trên nền cảm xúc kí ức – Nhớ Tây Tiến.

*Tây Tiến* là tên một binh đoàn có nhiệm vụ bảo vệ biên giới Việt – Lào, tiêu hao sinh lực địch. Phần đông lính Tây Tiến là những chàng trai Hà Thành. Họ mang vào chiến trường không chỉ có tình yêu Tổ quốc, khát vọng độc lập mà còn có những nét hào hoa thanh lịch của người Tràng An. Cuộc sống gian khổ thiếu thốn không ngăn được lính Tây Tiến vui vẻ, sôi nổi, yêu đời và mộng mơ.

Năm 1947, Quang Dũng gia nhập binh đoàn Tây Tiến. Ông từng là đại đội trưởng một đại đội thuộc binh đoàn này. Cuối năm 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Nhớ Tây Tiến đau đáu, da diết đã khiến nhà thơ viết nên một bài thơ tuyệt tác.

*Tây Tiến* gợi lên một cuộc hành quân về phía Tây Tổ quốc, một cuộc hành quân đầy gian lao vất vả giữa vùng rừng núi hiểm trở, hùng vĩ đầy vẻ hoang dại và huyền bí.

Quang Dũng có sẵn tố chất hào hoa của người trai đất Hà Thành. Chất hào hoa gặp thiên nhiên và con người miền Tây và Tây Bắc với vẻ đẹp huyền hoặc, lại từng sống và chứng kiến những tháng ngày hào hùng giữa binh đoàn Tây Tiến. Hồn thơ ấy đã hòa quyện tất cả để tạo nên những vần thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn, bi tráng.

Có một thời, hai chữ “lãng mạn” thường gọi cho ta về một cái gì “có hại”, “tiêu cực”, “mềm yếu”, “không lành mạnh”... Thực ra cũng có lãng mạn tiêu cực và cũng có lãng mạn tích cực. *Tây Tiến* là chất thơ lãng mạn cách mạng, lãng mạn anh hùng, chất lãng mạn say người, giúp người lính vượt lên gian lao khắc nghiệt, nó làm cho đất nước thêm tráng lệ kì vĩ và con người thêm sang trọng, hào hoa.

Cảm hứng lãng mạn của bài thơ trước hết là cảm hứng của một cái tôi tràn đầy cảm xúc. Cảm xúc được ào ạt tuôn trào với tất cả những gì mãnh liệt nhất. Toàn bộ bài thơ tràn ngập nỗi nhớ: nhớ rừng núi hoang vu, hiểm trở, dữ dội, nhớ những cảnh đẹp huyền ảo thơ mộng mỹ lệ nên thơ, đặc biệt là nhớ bước chân hành quân của Tây Tiến, nhớ gương mặt, ánh mắt... nhớ cả những hi sinh gian khổ, những giây phút đồng đội nằm xuống nơi biên cương. Tất cả cứ theo dòng hồi ức mà hiện lên cùng với trí tưởng tượng phóng khoáng, bay bổng.

Để giúp cho trí tưởng tượng bay cao, bay xa và tình cảm, cảm xúc được diễn tả một cách đầy đủ, trọn vẹn nhất, nhà thơ đã vận dụng thủ pháp nghệ thuật tô đậm cái phi thường, gây ấn tượng mạnh về cái hùng vĩ, dữ dội cũng như cái tuyệt mỹ, thơ mộng. Một trong những thủ pháp nghệ thuật được sử dụng đặc địa nhất là thủ pháp đối lập. Đối lập giữa cái hùng vĩ, dữ dội với cái tuyệt mỹ, thơ mộng, đối lập giữa gian khổ, vất vả với anh hùng, bất khuất, đối lập giữa cái bi và cái hùng...

Trong *Tây Tiến*, thiên nhiên sừng sững trở thành một hình tượng lớn. Hồn thơ lãng mạn của Quang Dũng đã tô đậm, tuyệt đối hóa cái sừng sững, hùng vĩ của thiên nhiên để qua đó thấy được ý chí dấn thân của người lính Tây Tiến.

*“Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn mây súng ngửi trời  
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống  
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”.*

Bốn câu thơ trên được coi là tuyệt bút trong việc khắc họa cái hùng vĩ, hiểm trở của thiên nhiên. *“Đốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm”*. Nhịp điệu tiếp nối liên tục của những thanh trắc kết hợp với cùng một lúc hai từ láy tượng hình (*khúc khuỷu, thăm thẳm*) dường như đã đẩy chiều cao của dốc núi lên vời vợi vời hình thể cheo leo, gập ghềnh. Cách ngắt nhịp câu thơ (*Đốc lên khúc khuỷu / dốc thăm thẳm*) như muốn diễn tả nỗi vất vả, cực nhọc cùng với lưng áo dầm mồ hôi của người lính Tây Tiến.

Chưa đủ, ngòi bút Quang Dũng vẫn tiếp tục đẩy chiều cao của dốc núi lên đến tuyệt đối:

*“Heo hút cồn mây súng ngửi trời”*

Núi cao tưởng chừng như chạm mây, mây chất thành đồng, thành cồn, “heo hút cồn mây”, người lính như đứng trên mây, giữa bốn bề mây đến nỗi “súng ngửi trời”. Chữ “ngửi” được dùng rất bạo. “Súng ngửi trời” là cách đo chiều cao của người lính – vừa chính xác, vừa rất “têu”. Hiệu quả của bút pháp lãng mạn không chỉ dựng lên một thiên nhiên hiểm trở mà còn dựng lên kích thước, tư thế của người lính, một tư thế, kích thước sánh ngang tầm thiên nhiên.

Hai câu trước có sự phối hợp tuyệt vời của những thanh trắc. Dòng thơ tiếp theo như gãy đôi để vẽ ra hai chiều của dốc núi: một vút lên, một đổ xuống gân như thẳng đứng: “Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”. Cảnh được dựng bằng thủ pháp đối lập để khắc họa cái dữ dội, gân guốc, hùng vĩ của núi rừng. Những dốc núi cao tới chóng mặt, bên dưới là vực sâu thăm thẳm. Người lính như treo mình giữa vách đá, trên một sườn núi giữa chặng đường hành quân.

Ba câu trên thanh trắc chiếm ưu thế, câu thứ tư hoàn toàn thanh bằng:

“Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

Đây cũng là một cách đối lập tạo ra sự tương phản giữa hai chặng đường hành quân: vượt núi vất vả – dừng chân thoải mái. Câu thơ toàn thanh bằng với 6/7 tiếng là phù bình thanh cùng với hình ảnh những ngôi nhà âm áp thấp thoáng ẩn hiện trong sương mù, mưa núi đã diễn tả trọn vẹn cái cảm giác thờ phào nhẹ nhõm, thoải mái. Đúng là “một dòng thơ bỗng bay ngang lưng trời” (Lê Gia Khánh).

Bút pháp lãng mạn vẫn được sử dụng để tô đậm vẻ hoang dại, dữ dội, đầy huyền bí, ghê gớm của rừng thiêng:

“Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”.

Hai chi tiết tiêu biểu (*thác gầm thét, cọp trêu người*) gắn với hai thời điểm tiêu biểu (*chiều chiều, đêm đêm*), không phải một chiều, một đêm mà thời gian lặp lại mang tính liên tục, không gian như bị vây bọc bởi những âm thanh man dại. Người yếu bóng vía chỉ nghe thôi đã sợ. Câu thơ tạo nên ấn tượng mạnh mẽ trong trí tưởng tượng của người đọc.

Cảm xúc lãng mạn được xây dựng trên nền cảm xúc kí ức. Đoạn thơ được viết ra như một dòng kí ức đứt, nối, mờ, tỏ liên tục đồng hiện. Cho nên đan cài với những câu thơ tả cảnh dữ dội, hùng vĩ là những câu thơ mệnh mang, chơi vui. Hai câu cuối đoạn là một sự đâm ám bất ngờ đến ngây ngất bởi tiếng gọi thiết tha vang lên tự đáy lòng (*nhớ ôi Tây Tiến*), bởi hình ảnh gọi sự thanh thân, đâm ám đến nao lòng (*com lên khói, thom nếp xôi*). Hai câu thơ còn có giá trị chuyển cảnh, chuyển đoạn.

Nếu ở đoạn trên, bút pháp lãng mạn đã tô đậm vẻ hoang dại, hùng vĩ của thiên nhiên thì ở đoạn tiếp theo, cảm hứng lãng mạn lại gây ấn tượng mạnh về cái thơ mộng, tuyệt mỹ của núi rừng và con người Tây Bắc.

Đêm liên hoan văn nghệ có “đuốc” có “hoa”, có tiếng khèn, điệu múa và nhất là có hình ảnh những thiếu nữ miền Tây Bắc trong trang phục dân tộc óng ánh sắc màu, hoa văn núi rừng. E ấp trong những điệu xòe duyên dáng. Tất cả như say, như mơ, như mê để “hồn thơ” được “xây” lên từ đó.

Cảnh sông nước bộc lộ hồn thơ nhạy cảm, tinh tế và tài hoa của Quang Dũng. Làn sương chiều mỏng, dáng lau đơn sơ, phơ phất, dáng người trên độc mộc, dòng nước, hoa đong đưa tình tứ... nhà thơ không tả mà chỉ gọi bằng những câu thơ thiên về cảm tính trực giác. Cái nhạt nhòa hư ảo càng được tăng lên bởi những từ ngữ gợi nhớ – một nỗi nhớ mệnh mang (chiều sương ấy, có thấy, có nhớ, người đi, hồn lau, bến bờ, dòng nước, đong đưa...). Tất cả cứ lung linh khó nắm bắt. Chỉ có thể cảm nhận bằng tâm hồn – một tâm hồn chứa tận cùng sâu thẳm là tình yêu và nỗi nhớ.

Mỗi đoạn thơ có một giá trị riêng. Song, đặt hai đoạn thơ cạnh nhau, bút pháp lãng mạn càng được nổi bật bởi sự tương phản đối lập. Nếu ở đoạn 1, cảnh được vẽ bằng những nét bút gân guốc, táo bạo, khỏe khoắn thì ở đoạn

2 cảnh lại được vẽ bởi những nét bút mềm mại, tinh tế. Hai nét vẽ đó dựng lên hoàn chỉnh bức tranh thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, bí hiểm vừa thơ mộng, mỹ lệ. Đó chính là chất tài hoa trong ngòi bút Quang Dũng.

Bút pháp lãng mạn tiếp tục được nhà thơ khai thác triệt để khi xây dựng chân dung người lính Tây Tiến. Thật ra không phải đến đây hình ảnh người lính mới hiện lên mà ở hai phần trên, hình ảnh người lính cứ thấp thoáng ẩn hiện: ở tư thế trèo đèo, lội suối, ở những phút dừng chân giữa chặng đường hành quân, ở “đêm hội đuốc hoa” và “Châu Mộc chiều sương ấy”... thậm chí có lúc hiện lên rất rõ:

*“Anh bạn dãi dầu không bước nữa  
Gục trên súng mũ bỏ quên đời”.*

Tuy nhiên phải đến đoạn thơ thứ ba, hình ảnh người lính Tây Tiến mới hiện lên đầy đủ. Hai câu mở đoạn: “Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc / Quân xanh màu lá dữ oai hùm” có nhiều cách hiểu khác nhau. Có người cho “không mọc tóc” là do người lính cạo trọc đầu (người ta gọi là những anh “vệ trọc”) còn “xanh màu lá” là xanh màu lá ngụy trang. Đó là những người lính dũng cảm, can trường. Có người cho “không mọc tóc” là do sốt rét rụng hết tóc còn “xanh màu lá” là màu da xanh như lá (do sốt rét). Tác giả muốn tô đậm những gian khổ, đói rét, ốm đau của người lính. Ý kiến thứ nhất cho rằng hiểu theo ý kiến thứ hai là không đúng bởi nếu sốt rụng tóc thì rụng không đều, lởm chởm, và nếu có đi nữa thì xem ra một đội quân như vậy sẽ rất bệnh hoạn, suy sụp về thể chất. Ý kiến thứ hai cho rằng hiểu theo cách thứ nhất là không đúng với hoàn cảnh kháng chiến gian khổ, thiếu thốn và không nắm được thủ pháp đối lập của bút pháp lãng mạn được Quang Dũng sử dụng trong bài thơ.

Có thể hiểu câu thơ có sự đan cài cả hai nghĩa: trong những anh “vệ trọc” có những người do sốt rét mà rụng tóc, màu da xanh do sốt rét của các anh hòa với màu lá rừng. Nhà thơ Trần Lê Văn, một chiến sĩ Tây Tiến đã từng nói: “Đánh trận tử vong ít, sốt rét tử vong nhiều”. Chính Quang Dũng cũng có lần tâm sự: “Chúng tôi hành quân bằng đôi chân thực sự đã ném mùi Tây Tiến. Chúng tôi mở rừng, ăn rừng, ngủ rừng”. Thiếu thốn, đói rét, ốm đau là một thực tế. Nhà thơ nói đến tất cả những điều đó nhưng ý thơ lại được nâng đỡ bởi những nét oai hùng. Hơn nữa, ngay trong hai câu thơ đã chứa đựng một sự đối lập, đối lập giữa thể xác và tinh thần. Thể xác có thể ốm yếu nhưng tinh thần thì vô cùng dũng mãnh. Ngòi bút lãng mạn của Quang Dũng đã khắc họa chân dung người lính hết sức lẫm liệt, oai hùng. Tác giả dùng hai chữ “đoàn binh” mà không dùng “đoàn quân”. Cái “dữ oai hùm” khiến ta nhớ đến câu thơ hùng hực “hào khí Đông A” của Phạm Ngũ Lão: “Tam quân tì hổ khí thôn ngưu”.

Như vậy thì làm sao có thể nói là suy sụp, bệnh hoạn?

Nhà thơ không miêu tả một gương mặt riêng biệt mà dồn tất cả sự đối lập tạo nên một gương mặt chung khiến ta vừa cảm động, vừa cảm phục, vừa xót thương vừa tự hào. Hình ảnh thơ tuy có thiên về nét vẽ hình thể nhưng lại giúp người đọc thấy rõ hơn khí phách hào hùng của những chiến sĩ Tây Tiến – những anh “vệ trọc” nổi tiếng một thời làm kẻ thù phải kinh hoàng, khiếp sợ.

Giữa hai câu trước và hai câu sau lại tạo nên một đối lập khác: đối lập với “mắt trừng”, “oai hùng” là “mộng”, là “mơ”, đặc biệt là “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Thật hào hùng mà cũng thật hào hoa. Chiến tranh tàn khốc rất cần đến những nét dữ dằn nhưng không thể giết chết những giấc mơ, không thể cướp đi những mộng đẹp. Đó là vẻ đẹp và đó cũng là sức mạnh.

Trước đây có người cho rằng người chiến sĩ Tây Tiến trong bài thơ chỉ có cái mã “yêng hùng”, khí phách bên ngoài còn bên trong yếu ớt, tiêu tư sản, mơ mộng viễn vông. Thực ra, nếu lãng mạn tiêu tư sản mà đem lại khoái cảm thẩm mỹ tích cực thì có gì là xấu. Hơn nữa, người lính trong *Đồng chí* của Chính Hữu nhớ “giếng nước gốc đa”, nhớ “bạn thân cày”, nhớ “gian nhà không”... người lính trong *Nhớ* của Hồng Nguyên nhớ đến cháy lòng người vợ trẻ “mòn chân bên cối gạo canh khuya”... thì người lính trong *Tây Tiến* của Quang Dũng mơ về Hà Nội để nhớ một dáng hình con gái thì cũng là một điều dễ hiểu. Trong chiến tranh, nếu người lính không còn biết mơ, biết nhớ, không còn mảy may rung động trước một bông hoa đẹp hay sắc đẹp của một người con gái thì điều đó quả thật là vô cùng đáng sợ. Họ chiến đấu làm gì? Vì ai? Nếu không phải là để trả lại cho con người, cho dân tộc những giá trị nhân văn cao đẹp như vậy.

Bài thơ còn dựng lên hai tinh thần đối lập mà thống nhất: bi và hùng, tạo thành chất lãng mạn bi tráng, một khúc độc tấu mang âm hưởng tráng ca.

Tất cả những gian khổ thử thách, đói rét ốm đau mà nhà thơ đề cập đến trong suốt hai phần đầu bài thơ như một sự chuẩn bị tâm lí cho người đọc để đến khi tác giả nói về cái chết (phần 3) không gây nên cảm giác đột ngột. Tuy không đột ngột và mặc dù quá hiểu chiến tranh là thế – có thể ngã xuống bất cứ lúc nào song đọc những câu thơ của Quang Dũng, chúng ta vẫn thấy hăng, một cảm giác chơi vui khó gọi tên nhưng hiện hữu rất rõ. Nhưng cũng chính những câu thơ ấy đã bắt tử hóa cái chết, anh hùng hóa sự hi sinh để nâng đỡ cảm giác buồn đau, hăng hực, thành thử bi thương mà không bi lụy, bi ca chứ không phải khóc ca. Chính điều đó đã làm nên một khúc độc tấu bi tráng rền vang sông núi và lay động lòng người.

“Rải rác biên cương mồ viễn xứ”, mỗi người lính ngã xuống, những nấm mộ mọc lên. Những nấm mộ rải rác khắp biên cương là dấu tích của biết bao nỗi buồn thầm lặng. Nhà thơ nhìn xuyên suốt con đường hành quân của Tây Tiến mà lặng đi đến tận người khi trước mắt anh hiện lên những nấm mộ đồng chí, đồng đội.

Câu thơ sau nhanh chóng gạt đi những cảm giác bi thương giống như có một lực đẩy vô hình: “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Câu thơ vừa mang dáng dấp cuộc ra đi “nhất khứ hề” của Kinh Kha tráng sĩ vừa mang âm hưởng của những cuộc ra đi trong thơ lãng mạn Việt Nam trước Cách mạng với những “li khách” của Thâm Tâm, “khách chinh phu” của Thế Lữ... Hơn nữa, các từ Hán – Việt: “biên cương”, “viễn xứ”, “chiến trường”... có sức âm vang tạo nên tính cổ điển của hình tượng. Tuy nhiên, chất lãng mạn của câu thơ Quang Dũng là chất lãng mạn cách mạng, lãng mạn anh hùng. Quang Dũng đã nói được một điều cốt lõi trong nhân cách người lính: biết hi sinh vẫn dấn thân, ra đi chẳng tiếc đời mình, tuổi thanh xuân đẹp nhất hiến dâng cho lí tưởng. Họ ngã xuống thanh thản, nhẹ nhàng thậm chí nụ cười vẫn trở nên môi thì thử hỏi làm sao ta dám khóc, làm sao ta dám để cho buồn đau đốn gục. Quang Dũng đã gạt nước mắt để nâng cao đầu với niềm tự hào, kiêu hãnh.

Hai câu tiếp theo cũng mang cảm hứng tương tự:

*“Áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”*

Có người hiểu là lấy áo bào thay cho chiếu, có người lại hiểu là áo bào được thay bằng chiếu. Quang Dũng có lần tâm sự: ngay cả khi nằm xuống, người tử sĩ cũng không có đủ manh chiếu liệm. Nói áo bào thay chiếu là cách nói của người lính chúng tôi, cách nói ước lệ của thơ trước đây để an ủi những đồng chí của mình đã ngã xuống giữa rừng”. Thế là đã rõ. Không có chiến bào. Thậm chí không có cả chiếu liệm. Thảm lắm! Đau lắm! Nhưng không thể để đau thương, buồn thảm quật ngã. Câu thơ độc đáo của Quang Dũng đã lãng mạn hóa cái chết. Đó là một sự ra đi nhẹ nhàng, thanh thản, ung dung với một vẻ đẹp hào hùng, oai phong và sang trọng. Giọng thơ như muốn hạ xuống cung bậc thấp nhất phù hợp với nỗi tiếc thương. Nhưng hạ thấp để cuối cùng vút lên với cung bậc dữ dội và hùng tráng: “Sông Mã gầm lên khúc độc hành”. Những mát mát, đau thương như dồn nén, tích tụ trong tiếng gầm vang rung chuyển cả núi rừng của dòng sông Mã. Những người lính Tây Tiến hi sinh là trở về với thiên nhiên, trở về với đất mẹ và các anh lại hóa thân vào thiên nhiên để hát mãi khúc quân hành.

*Tây Tiến* có phảng phất nét buồn đau nhưng đó là nét buồn đau bi tráng. Nằm trong thi pháp chung của nền văn học 1945 – 1975, khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. *Tây Tiến* đã để lại dấu ấn riêng độc đáo. Đó là sự phối hợp hài hòa giữa các mặt đối lập trong các hình tượng thơ. *Tây Tiến* còn là sự gửi gắm tất cả men say ước nguyện của Quang Dũng vào sự nghiệp cứu nước. Vì thế, *Tây Tiến* hấp dẫn người đọc bởi thể giới nghệ thuật của cái đẹp, cái cao cả anh hùng – sản phẩm của một cái tôi lãng mạn, hào hoa.